TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Ông Bùi Mạnh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 39/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị L**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: TDPVK, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Phú D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ Y, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Phú D kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân X, huyện CH, tỉnh TQ vào ngày 18/10/2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị chung sống với bố mẹ chồng tại tổ Y TTVL, huyện CH, tỉnh TQ, đến tháng 02

năm 2011 thì chuyển về sống với gia đình bố mẹ đẻ chị tại TDPVK, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Ngay sau khi kết hôn và chung sống giữa chị và anh D đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống, quan điểm sống và cách làm ăn kinh tế trái ngược nhau. Anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ cố gắng hàn gắn mối quan hệ hai vợ chồng bằng cách đầu tư làm ăn cho chồng, quyết định sinh con thứ hai để chồng ý thức trách nhiệm hơn trong cuộc sống hôn nhân. Nhưng tính cách và nhận thức về cuộc sống chung của anh D không thay đổi, anh D vẫn không có trách nhiệm với vợ con, không tu chí làm ăn, sinh hoạt thất thường không theo nề nếp. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân bế tắc, mệt mỏi nên đã sống ly thân với anh D từ ngày 01/6/2019 đến nay. Từ thời điểm ly thân anh D chưa gặp mặt hỏi thăm vợ, con, chỉ liên lạc bằng cách nhắn tin qua mạng xã hội (Zalo). Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Trần Phú D.

- Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Trần Diệp L, sinh ngày 23/5/2011 và Trần Phú A sinh ngày 16/02/2015. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Trần Phú D đến để giải quyết việc chị L đề nghị ly hôn nhưng anh D đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Dũng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ Y, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Theo lời khai của bà Trịnh Thị S (mẹ đẻ của anh D) thì anh D và chị L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng anh D, chị L ở chung cùng gia đình nhà bà tại tổ Y, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ được khoảng 05 tháng thì chuyển đến sinh sống tại gia đình mẹ đẻ chị Luyên tại TDPVK, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Do chị L, anh D không thường xuyên sinh sống cùng bà S, anh D không tâm sự chuyện gia đình với bà nên bà S không nắm được cụ thể mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Đến tháng 6 năm 2019 một mình anh D về nhà bà S sinh sống thì bà mới biết được sự việc anh D và chị L có xảy ra mâu thuẫn. Anh D ở với bà S được hai tháng thì chuyển lên nhà mẹ đẻ chị L sinh sống. Tháng 10 năm 2019 anh D đi làm ăn xa khỏi địa phương, thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc bà S không biết địa chỉ nơi làm việc của anh D. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh D không về. Từ khi anh D đi làm ăn chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Diệp L và Trần Phú A.

Theo lời khai của bà Ma Thị N (mẹ đẻ chị Đào Thị L) thì chị L và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND X, huyện CH, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn chị L, anh D sống chung với bố mẹ chồng là ông V, bà S được khoảng vài tháng thì chuyển đến sinh sống cùng gia đình bà N. Quá trình chị L, anh D sinh sống cùng gia đình bà nhận thấy anh chị có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, bất đồng trong cách làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Tháng 6 năm 2019 chị L, anh D xảy ra mâu thuẫn, anh D có bỏ về nhà bố mẹ

đẻ sinh sống được khoảng hai tháng thì quay trở lại nhà bà N sinh sống với chị L. Tháng 10 năm 2019 chị L, anh D tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, trong lúc cãi nhau anh D có nói sẽ bỏ nhà đi làm ăn, chị L nói nếu anh D bỏ đi làm ăn xa thì chị L sẽ làm đơn xin ly hôn. Trong khi cãi nhau anh D yêu cầu chị L làm đơn ly hôn để anh D ký nhưng chị L không làm. Anh D đi làm ăn xa nhà từ tháng 10 năm 2019 đến nay, bà N biết được thỉnh thoảng anh Dũng có nhắn tin, liên lạc với chị L. Từ khi anh D đi làm ăn chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Diệp L và Trần Phú A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Đào Thị L: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn với anh Trần Phú D.

- Giao cháu Trần Diệp L, sinh ngày 23/5/2011 và cháu Trần Phú A, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Đào Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Phú D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đào Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Đào Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Phú D; Anh Trần Phú D có hộ khẩu thường trú tại tổ Y, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Trần Phú D có hộ khẩu thường trú tại tổ Y, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Anh D đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh D đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án,

Tòa án đã triệu tập, gia đình anh D đã thông báo cho anh nhưng anh D vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Trần Phú D vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Đào Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Trần Phú D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2010 tại UBND X, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống do tính cách không hợp nhau. Đến tháng 6 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh D trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, anh D không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh D thực tế đã không tồn tại từ tháng 6 năm 2019; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị L, xử cho chị Đào Thị L được ly hôn với anh Trần Phú D.

[2.2] Về con chung: Chị Đào Thị L và anh Trần Phú D có 02 con chung là Trần Diệp L, sinh ngày 23/5/2011 và Trần Phú A, sinh ngày 16/02/2015. Xét thấy hiện anh Trần Phú Dũng không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Trần Diệp Lam và Trần Phú An cho chị Đào Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đào Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Đào Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị L về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Trần Phú D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn với anh Trần Phú D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Diệp L, sinh ngày 23/5/2011 và Trần Phú A, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Đào Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Phú D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Đào Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0001989, ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Trần Phú D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị L và anh Trần Phú D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng	**Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND X, huyện CH, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm